| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ MH**<br>**TỈNH HƯNG YÊN**<br>---------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**<br>---------- |
| Bản án số: **29**/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày: 27/3/2024<br>V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH, TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và bà Đặng Thị Tuyết Hương

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh Bùi Văn H, sinh năm 1993; cư trú tại: TDP PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên *(Vắng mặt)*.

**** Bị đơn:*** Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1993; Nơi đăng ký TT: TDP PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên. Hiện ở tại: thôn Đông Khúc, xã VK, huyện VG, tỉnh Hưng Yên *(Vắng mặt)*.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 14/8/2022; Đăng ký TT: Tổ dân phố PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

*Người đại diện theo pháp luật cho cháu H2:* Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H1 (Đều HKTT: Tổ dân phố PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên) *(Vắng mặt)*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn anh Bùi Văn H thể hiện:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Đặng Thị H1 quê ở xã VK, huyện VG kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường PĐP ngày 09/12/2021. Sau khi kết hôn chị H1 về ngay nhà anh làm ăn, chung sống một thời gian ngắn thì chị H1 xin về ở nhà bố mẹ đẻ ở để thuận tiện trong công việc. Đến khi

chị H1 chuẩn bị sinh con thì có về ở nhà anh H khoảng 1 tháng, sau đó lại xin về nhà bố mẹ đẻ. Thời gian vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, kết hôn do mai mối nên khi về ở với nhau đã không hiểu hết về nhau, không thông cảm cho nhau, vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và đặc biệt hai bên không thống nhất được với nhau về nơi ăn, chốn ở và nuôi dạy con cái nên không ai nói với ai. Ngoài ra, giữa chị H1 và bố mẹ anh cũng không được hoà hợp. Anh và chị H1 đã nhiều lần trao đổi với nhau về vấn đề này nhưng đến nay vẫn chưa thống nhất được, vẫn mỗi người một nơi, việc của ai người đó làm, thu nhập của ai người đó quản lý và nếu cứ tình trạng như thế này thì ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý và công việc. Nay anh xác định cuộc sống không H1 phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã quá trầm trọng rồi và không thể sống chung với nhau. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1 để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

*Về con chung:* Anh và chị H1 có 01 con chung là cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 14/8/2022, hiện đang ở với chị H1 và chị H1 không có thai nghén gì thêm. Đối với cháu H2, hiện tại dưới 03 tuổi, vẫn còn nhỏ và cần có sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi mẹ con chị H1 về nhà mẹ đẻ ở thì luôn luôn nhận được sự hỗ trợ từ bà ngoại về nơi ăn, chốn ở và công việc nên cháu H2 tiếp tục ở với chị H1 là phù hợp. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H2 đến khi thành niên và anh tự nguyện cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng *(Ba triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H2 thành niên.

*Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:* Anh H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Đặng Thị H1 trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường PĐP. Chị đã cH2ển khẩu về Tổ dân phố PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên nhưng do mâu thuẫn với bố mẹ chồng, sau đó dẫn đến vợ chồng không thống nhất được với nhau nên chị đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đông Khúc, xã VK, H2ện VG, tỉnh Hưng Yên vào tháng 02 năm 2023 và từ đó không quay trở lại chung sống cùng với anh H. Nếu trường hợp anh H kiên quyết xin ly hôn, không chịu ra ở riêng thì chị nhất trí đề nghị Toà án nhân dân thị xã MH giải quyết ly hôn và xin giải quyết xét xử vắng mặt.

*Về con chung:* Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 14/8/2022. Chị nhất trí với ý kiến của anh H là giao cháu H2 cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng, còn anh H tự nguyện cấp dưỡng thì chị cũng nhất trí.

*Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:* Chị H1 xác định không có, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Bùi Xuân Hà là bố đẻ của anh H trình bày: Việc ở với nhau hay ly hôn là do anh H và chị H1 tự quyết định. Gia đình ông cũng muốn hàn

gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nếu trường hợp anh H kiên quyết xin ly hôn với chị H1 thì ông Hà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giữa vợ chồng ông Hà và vợ chồng anh H, chị H1 không liên quan gì về tài sản, kinh tế, vay nợ và công sức nên không có gì vướng mắc phải giải quyết.

Người làm chứng bà Lương Thị Tỏ là mẹ đẻ của chị H1 trình bày: Anh H và chị H1 đăng ký kết hôn tự nguyện. Trong quá trình chung sống do hai bên chưa thống nhất được với nhau nên chị H1 đã về nhà bà ở từ tháng 02 năm 2023 và bà luôn luôn hỗ trợ mẹ con chị H1 về nơi ăn, chốn ở. Nay anh H xin ly hôn chị H1, việc anh chị ở với nhau hay không là do anh chị tự quyết định

UBND phường PĐP cung cấp: Anh H và chị H1 đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường PĐP, thị xã MH ngày 09/12/2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hiện tại, anh chị mỗi người sống một nơi. Địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của các bên và quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H1 vắng mặt nên không hoà giải được. Vì vậy, phải đưa vụ án ra xét xử.

**Tại phiên tòa:** Vắng mặt nguyên đơn là anh Bùi Văn H; vắng mặt bị đơn là chị Đặng Thị H1 nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Chủ toạ phiên toà đã công bố toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh H được ly hôn chị H1. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia H2 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng *(Ba triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H2 thành niên; Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với chị H1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố PX, phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên và hiện đang cư trú tại thôn Đông Khúc, xã VK, huyện VG, tỉnh Hưng Yên nhưng đã đồng ý và yêu cầu Toà án nhân dân thị xã MH giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh

Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H và bị đơn chị H1 vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đều có đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H1 kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường PĐP, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên ngày 09/12/2021 nên hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp.

Anh H xác định thời gian vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và đặc biệt hai bên không thống nhất được với nhau về nơi ăn, chốn ở và nuôi dạy con cái. Ngoài ra, giữa chị H1 và bố mẹ anh cũng không được hoà hợp. Hiện tại hai bên vẫn chưa thống nhất được, vẫn mỗi người một nơi, việc của ai người đó làm, thu nhập của ai người đó quản lý. Về vấn đề ra ở riêng, anh H không đồng ý và xác định rằng việc này không cần thiết vì ở nhà bố mẹ anh có đầy đủ mọi thứ. Hơn nữa, đi ra ngoài ở sẽ xa ông bà nội, dẫn đến ông bà nội khó khăn trong việc hỗ trợ, chăm sóc. Vì những lý do này mà việc ra ở riêng sẽ làm xáo trộn, ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống và công việc. Nay anh xác định cuộc sống không H1 phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng rồi nên không thể sống chung. Còn chị H1 xác định nếu anh H kiên quyết xin ly hôn và không chịu ra ở riêng thì chị đồng ý ly hôn và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, chị H1 không đến Tòa án để giải quyết theo thủ tục thuận tình ly hôn nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Xét thấy, yêu cầu được ly hôn của anh H phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và thỏa mãn căn cứ để giải quyết ly hôn theo quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của anh H và xét xử cho anh H được ly hôn chị H1 để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung*:* Anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 14/8/2022. Đối với cháu H2 còn nhỏ, dưới 03 tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Anh H và chị H1 đồng nhất ý kiến là giao cháu H2 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh chị nên sẽ giao cháu H2 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H nuôi cháu số tiền 3.000.000đ/tháng *(Ba triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh H và chị H1 đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia H2 sinh ngày 14/8/2022 cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu H2 số tiền 3.000.000đ/tháng *(Ba triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H2 thành niên.

3. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí*:* Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001588 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH. Anh H còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh.*
- *VKSND thị xã, Chi cục THADS thị xã.*
- *UBND phường PĐP;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Quốc Huy**